

Điểm chuẩn trường Đại học Lao Động - Xã Hội (Cơ sở phía Nam) năm 2018

Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở 2 - cơ sở phía Nam), là một trong ba cơ sở đào tạo chính của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại Hà Nội mà tiền thân là trường Trung học Lao động Tiền lương thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội được thành lập năm 1961. Trường được nâng cấp lên Đại học ngày 31/1/2005, theo Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg của Chính phủ.

Tên trường: Đại học Lao Động - Xã Hội (Cơ sở phía Nam)

Mã ngành: DLS

Địa chỉ: 1080 Tô Ký, Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3883 7814

Điểm chuẩn trường Đại học Lao Động - Xã Hội (Cơ sở phía Nam) năm 2018 như sau:

BẮM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-lao-dong-xa-hoi-co-so-phia-nam>

Tham khảo điểm chuẩn những năm trước:

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2017 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01	---	A01
2	7310401	Tâm lý học	A00, A01, C00, D01	---	A01
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01	---	A01
4	7340204	Bảo hiểm	A00, A01, D01	---	A01
5	7340301	Kế toán	A00, A01, D01	---	A01
6	7340404	Quản trị nhân lực	A00, A01, D01	---	A01
7	7380107	Luật kinh tế	A00, A01, D01	---	A01
8	7760101	Công tác xã hội	A00, A01, C00, D01	---	A01

Năm 2016 thông báo điểm chuẩn như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7760101	Công tác xã hội	A00; A01; D01	16	
2	7760101	Công tác xã hội	C00	17	
3	7340404	Quản trị nhân lực	A00; A01; D01	17.25	
4	7340301	Kế toán	A00; A01; D01	17	

5	7340202	Bảo hiểm	A00; A01; D01	15.25	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	A00L A01; D01	17.25	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 của trường như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Cơ sở II - Thành phố Hồ Chí Minh - DLS			1.000
3.1	Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	220
3.2	Kế toán	7340301	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	200
3.3	Bảo hiểm	7340204	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	100
3.4	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	180
3.5	Luật kinh tế	7380107	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	100
3.6	Công tác xã hội	7760101	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA); Văn, Sử, Địa (VSD)	100
3.7	Kinh tế (Kinh tế lao động)	7310101	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA)	50
3.8	Tâm lý học	7310401	Toán, Lý, Hóa (TLH); Toán, Lý, Anh (TLA); Toán, Văn, Anh (TVA); Văn, Sử, Địa (VSD)	50